

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2022/DS-PT

Ngày: 21 - 12 - 2022

V/v Đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH K**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Võ Đình Phương;
Bà Võ Thị Trâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà L.N.T.H - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh K.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K tham gia phiên tòa: Ông B.H.N
- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19, 20 và 21 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh K, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc “Đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 92/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 62/2022/QĐ-PT ngày 05 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Quang K, sinh năm 1948; địa chỉ: 17 Thống Nhất, phường V, thành phố N, tỉnh K.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quang Anh T, sinh năm 1981; địa chỉ: 76 Thống Nhất, phường G, thành phố N, tỉnh K (Theo văn bản ủy quyền số 498, quyền số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/01/2022 của Văn phòng công chứng H.L). Có mặt.

- Bị đơn: Ông Đoàn Đình T1, sinh năm 1980; địa chỉ: Tổ 5, Ba Làng, phường H, thành phố N, tỉnh K (Nay là 1/22 Nguyễn Khắc Viện, phường H, thành phố N, tỉnh K. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Quang Anh T, sinh năm 1981; địa chỉ: 76 Thống Nhất, phường G, thành phố N, tỉnh K.

2. Bà Trần Thị Hồ Thanh T2, sinh năm 1977; địa chỉ: 99 Nguyễn Thị Minh Khai, phường P, thành phố N, tỉnh K.

3. Ông Trần Quang Tuấn H, sinh năm 1984; địa chỉ: 76 Thống Nhất, phường G, thành phố N, tỉnh K.

4. Bà Trần Thị Kim C, sinh năm 1985; địa chỉ: 17 Thống Nhất, phường G, thành phố N, tỉnh K.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T2, ông H, bà C là ông Trần Quang Anh T (*Theo văn bản ủy quyền số 498, quyển số 01/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/01/2022 của Văn phòng công chứng H.L*). Có mặt.

** Người kháng cáo: Ông Đoàn Đình T1 là bị đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố N, nội dung vụ án như sau:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Trần Quang K và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Quang Anh T trình bày:*

Ông Trần Quang K và bà Hồ Thị T3 là vợ chồng, bà Hồ Thị T3 chết ngày 13/6/2016, không để lại di chúc. Khi còn sống, bà T3 có cho ông Đoàn Đình T1 vay tiền nhiều lần, mục đích vay để đáo hạn Ngân hàng và mua bán bất động sản, những lần vay tiền ông T1 đều có viết giấy nhận nợ và ký tên. Theo giấy vay tiền ghi ngày 21/11/2007, ông T1 vay số tiền 3.125.000.000 đồng, thời hạn vay 03 tháng, hẹn 21/02/2008 trả nợ. Cùng ngày 21/11/2007, ông T1 mượn thêm số tiền 1.050.000.000 đồng và ông T1 có viết 01 giấy nhận nợ, ghi ngày 21/7/2007 và cũng thỏa thuận thời hạn 03 tháng sau sẽ trả. Khoản vay số tiền 3.125.000.000 đồng, ông T1 đã trả được 683.000.000 đồng chưa tính lãi và ông T1 ghi mặt sau của giấy nhận nợ. Bà T3 nhiều lần yêu cầu ông T1 trả tiền nhưng ông T1 không trả. Sau khi bà T3 chết, ông K (chồng bà T3) đã nhiều lần yêu cầu ông T1 trả lại số tiền đã vay nhưng ông T1 không trả và cố tình trốn tránh gặp mặt. Trước đây, bà Hồ Thị T3 có làm đơn tố cáo ông Đoàn Đình T1 nhưng cơ quan cảnh sát điều tra không thụ lý đơn giải quyết và cho rằng đây là quan hệ dân sự nên đề nghị bà T3 khởi kiện ra Tòa án giải quyết.

Ông K và bà T3 có 05 con chung là Trần Quang Anh T, Trần Thị Hồ Thanh T2, Trần Quang Tuấn H, Trần Thị Kim C và Trần Thị Thanh T4. Đối với con chung Trần Thị Thanh T4, sinh ngày 06/03/1980, hiện ở địa chỉ: 9402 HURSTBOURNE CROSSING DR, APT 168, LOUISVILLE, KY 40299, USA, năm 2016 đã có văn bản khước từ toàn bộ di sản của mẹ là bà Hồ Thị T3, và ngày 20/8/2022 cũng đã có văn bản từ chối tham gia tố tụng tại tòa án các cấp nên bà T4 không có liên quan đến việc kế thừa quyền đòi tài sản của bà T3.

Ông Trần Quang K yêu cầu ông Đoàn Đình T1 phải trả lại số tiền đã vay của bà T3 năm 2007 đến nay chưa trả là 3.492.000.000 đồng. Yêu cầu Tòa án tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ là ông Đoàn Đình T1 đối với xe ô tô Honda City, biển kiểm soát 79A144.23.

** Bị đơn ông Đoàn Đình T1 trình bày:*

Từ cuối năm 2006, ông có vay tiền của bà Hồ Thị T3 nhiều lần, mỗi lần vay tiền đều có sổ sách ghi lại. Đến khoảng năm 2008, ông và bà Hồ Thị T3 có chốt lại tổng số tiền nợ bằng 01 giấy nhận nợ ghi ngày 21/11/2007 với số tiền là

3.125.000.000 đồng, nội dung do bà T3 đọc cho ông ghi lại. Thời điểm ghi giấy nợ thì ông có trả số tiền 683.000.000 đồng và 01 lô đất tại xã Đ, thành phố N trị giá 300.000.000 đồng. Khoản nợ của ông với bà Hồ Thị T3 hiện nay còn khoảng 2 tỷ đồng. Sau khi viết giấy chốt tổng số nợ, ông đã trả góp 1.000.000 đồng/ngày và trả được ba tháng cho bà Hồ Thị T3. Nay, do hoàn cảnh khó khăn, ông đang nợ Ngân hàng nên khi nào trả Ngân hàng xong ông sẽ trả cho bà T3.

Đối với giấy nhận nợ ngày 21/11/2008, ông không đồng ý với giấy nhận nợ này vì giữa ông với bà Hồ Thị T3 đã có giấy chốt tổng số nợ và bà T3 dùng giấy nợ này tố cáo ông lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại cơ quan Công an. Tờ giấy nợ ngày 21/11/2008 có trước giấy chốt tổng số nợ giữa ông với bà Hồ Thị T3.

Ngày 16/7/2022, bị đơn ông Đoàn Đình T1 có đơn đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện. Các khoản tiền vay của ông đối với bà Hồ Thị T3 trước đây đã được hai bên chốt nợ. Năm 2009, bà T3 đã làm đơn đến Cơ quan điều tra tố cáo ông lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà. Tại Cơ quan điều tra, hai bên đã thống nhất số nợ và các khoản tiền ông đã trả cho bà T3. Theo đó, ông đã trả cho bà T3 số tiền gốc là 683.000.000 đồng. Ngoài khoản nợ hai bên đã chốt tại cơ quan điều tra, ông không nợ bà T3 khoản tiền nào khác. Giấy nhận nợ số tiền 1.050.000.000 đồng và các giấy nợ trước đó đều không có giá trị pháp lý.

Nay ông K dùng giấy tờ có dấu hiệu sửa chữa để đòi ông phải trả số tiền theo 02 giấy nhận nợ là không đúng sự thật. Ông T1 không yêu cầu giám định việc sửa chữa chữ số trên hai giấy nhận nợ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quang Anh T và đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Hồ Thanh T2, ông Trần Quang Tuấn H, bà Trần Thị Kim C trình bày: Thống nhất với ý kiến của nguyên đơn.*

Bản án dân sự sơ thẩm số: 92/2022/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố N quyết định:

- Căn cứ Điều 256 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 và 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quang K về tranh chấp “Đòi tài sản” đối với bị đơn ông Đoàn Đình T1. Buộc ông Đoàn Đình T1 phải trả cho ông Trần Quang K số tiền 3.472.000.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm bảy mươi hai triệu đồng).

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2022/QĐ-BPKCTT ngày 19/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố N về việc “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” là ông Đoàn Đình T1 đối với tài sản xe ô tô con, biển số 79A144.23, nhãn hiệu: Honda để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định án phí, quy định thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/10/2022, ông Đoàn Đình T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và cho rằng bản án sơ thẩm xét xử không khách quan, không đúng pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền và ợ ích hợp pháp của ông.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Đoàn Đình T1 giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Tòa án sơ thẩm không khách quan trong việc thu thập và đánh giá chứng cứ, ông và bà Hồ Thị T3 đã chốt nợ tại Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an tỉnh K khi bà T3 có đơn tố cáo ông lừa đảo chiếm đoạt tài sản; sau khi hai bên chốt nợ, bà T3 đã không kiện ông. Ông nhận tiền từ bà T3 và giao lại cho bà Phan Thị H1 (hiện đang thi hành án tại Trại giam A2); ông đã trả tiền cho bà T3 trong đó có việc chuyển nhượng cho bà T3 01 lô đất có nguồn gốc của ông Đặng P (trú tại 31A Chi Lăng, phường T, thành phố N) chuyển cho bà H1, bà H1 chuyển nhượng cho ông và ông chuyển cho bà T3 với giá 300.000.000 đồng để căn trừ nợ. Ông đã nhiều lần yêu cầu Tòa án sơ thẩm đưa bà H1 và ông P vào tham gia tố tụng để có căn cứ giải quyết vụ án nhưng không được chấp nhận. Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm đưa bà H1, ông P tham gia tố tụng để giải quyết đúng pháp luật.

- Ông Trần Quang Anh T không đồng ý yêu cầu của ông T1 và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K phát biểu ý kiến:*

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

Bà Hồ Thị T3 và ông Trần Quang K có 05 con chung; ngày 13/6/2016, bà T3 chết không để lại di chúc, các con của ông bà là người thừa kế của bà T3 theo qui định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015, mặc dù ngày 04/8/2016 bà T4 làm giấy từ chối nhận di sản thừa kế nhưng theo qui định của pháp luật thì vẫn là người thừa kế theo pháp luật của bà T3. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Trần Thị Thanh T4 vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền và nghĩa vụ liên quan, cũng như việc bản án sơ thẩm đã căn cứ đơn ngày 04/8/2016, 20/8/2022 của bà T4 để nhận định là bà T4 không có liên quan đến việc thừa kế quyền đòi tài sản của bà T3 là không đúng qui định tại Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự - Vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự. Bà Trần Thị Thanh T4 hiện đang sinh sống tại 9402 Hurstbourne Crossing DR, APT 168, Louisville KY 40299, Mỹ, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh theo qui định tại khoản 3 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm dân sự số: 92/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố N, chuyển vụ án trên đến Tòa án nhân dân tỉnh K để giải quyết theo thẩm quyền.

+ Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Ông Trần Quang K và bà Hồ Thị T3 có 05 con là Trần Quang Anh T, Trần Thị Hồ Thanh T2, Trần Quang Tuấn H, Trần Thị Kim C và Trần Thị Thanh T4. Bà Hồ Thị T3 chết ngày 13/6/2016, không để lại di chúc. Theo Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015, ông K và 05 người con là người thừa kế theo pháp luật của bà Hồ Thị T3. Tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Trần Thị Thanh T4 địa chỉ: 9402 HURSTBOURNE CROSSING DR, APT 168, LOUISVILLE, KY 40299, USA tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh K giải quyết là vi phạm khoản 3 Điều 35, Điều 68 và Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, hủy bản Bản án sơ thẩm dân sự số: 92/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố N, chuyển hồ sơ vụ án để Tòa án nhân dân tỉnh K giải quyết theo thẩm quyền.

Do hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án để Tòa án nhân dân tỉnh K giải quyết theo thẩm quyền nên Hội đồng xét xử không xét kháng cáo của ông Đoàn Đình T1. Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2022/QĐ-BPKCTT ngày 19/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố N về việc “*Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ*” là ông Đoàn Đình T1 đối với tài sản xe ô tô con, biển số 79A144.23, nhãn hiệu: Honda để đảm bảo thi hành án và án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xem xét, quyết định khi giải quyết lại vụ án.

[2] Về án phí phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm, nên ông Đoàn Đình T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông T1.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 35 và khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 92/2022/DS-ST ngày 29/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh K.

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh K giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đoàn Đình T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; trả lại cho ông Đoàn Đình T1 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn năm trăm đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0002798 ngày 03/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố N, tỉnh K.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND tỉnh K;
- TAND Tp. N;
- VKSND Tp. N;
- Chi cục THADS Tp. N;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Hồng Tuấn